TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/KDTM-ST
Ngày 15 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phục

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2016/TLST-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2022 Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: đường K , Phường M, Quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật : ông Từ Tiến P – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Khương Lê Hoàng P – sinh năm 1995 (giấy ủy quyền ngày 28/02/2022) (Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S.

Địa chỉ: đường V, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh H – Giám đốc (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Thanh H, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường V, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

2/ Ông Đinh Viết Q, sinh năm 1964 (Có mặt)

3/ Bà Từ Thu H, sinh năm 1970 (Có mặt)

4/ Chị Đinh Viết Hồng N, sinh năm 1991.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Từ Thu H, sinh năm 1970

(Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2017)

5/ Trẻ Đinh Viết Quang T, sinh ngày 28/9/2004.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Đinh Viết Quang T là bà Từ Thu H, sinh năm 1970 (Có mặt)

Cùng ngụ tại địa chỉ: đường C, khu dân cư P, Phường K, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A do ông Khương Lê Hoàng P là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là ngân hàng A) và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S (gọi tắt là Công ty S) có ký kết các hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CVL.DN.04010709 ngày 01/07/2009, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CVL.DN.02.250610 ngày 25/06/2010 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CVL.DN.06.090712 (số tham chiếu: 61701009) ngày 09/7/2012 với nội dung Ngân hàng A đồng ý cho Công ty S vay số tiền 3.500.000.000 đồng, hạn vay 12 tháng (từ ngày 09/7/2012), mục đích vay bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh, lãi suất trong hạn được quy định theo trong hợp đồng cấp tín dụng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất được tự động điều chỉnh từng thời kỳ theo qui định của Ngân hàng.

Để bảo đảm cho khoản vay 3.500.000.000 đồng của Công ty S, ông Đinh Viết Q và bà Từ Thị Thu H đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số khu dân cư P, Phường K, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh (Chứng từ tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 300/2002 do UBND quận 6 cấp ngày 19/7/2002; Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 21/09/2005; Hợp đồng mua bán nhà số 23895 lập ngày 19/09/2005) thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản số CVL.04010709 ngày 01/7/2009 được công chứng tại Phòng công chứng số 4, Tp. Hồ Chí Minh, số công chứng 029764 ngày 01/07/2009, quyển số 2 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 6, Tp. Hồ Chí Minh ngày 02/7/2009, quyển số 5, số thứ tự 3436 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số CVL.BĐDN.02.250610 ngày 25/6/2010, số công chứng 025659, quyển số 6/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 4.

Thực hiện hợp đồng vay, Ngân hàng A đã giải ngân vào tài khoản cho Công ty S số tiền 3.500.000.000 đồng qua 09 kế ước nhận nợ. Thời hạn hợp đồng

đã hết nhưng Công ty S không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, tạm tính đến ngày 24/10/2016 là 4.873.083.231 đồng. Ngân hàng đã làm việc, nhắc nhở nhiều lần nhưng Công ty S không có thiện chí trả nợ nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán nợ cho ngân hàng bao gồm vốn, lãi phạt, lãi quá hạn, lãi trong hạn cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 20 – 22 khu dân cư P, Phường K, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H. Buộc ông Đinh Viết Q, bà Từ Thu H và ông Lê Thanh H liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 22/5/2018 Ngân hàng A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp và nghĩa vụ trả nợ liên đới của ông Đinh Viết Q, bà Từ Thu H theo chứng thư bảo lãnh ngày 25/6/2010.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ S vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Hà vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H, chị Đinh Viết Hồng N và trẻ Đinh Viết Quang T (do bà Từ Thu H là người đại diện hợp pháp) trình bày:

Do quen biết với ông Lê Thanh H nên ngày 01/7/2009 ông Q bà H dùng tài sản của mình là nhà và đất tại 20-22 khu dân cư P, Phường K, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh để thế chấp cho ngân hàng A để đảm bảo hợp đồng tín dụng của Công ty S vay số tiền 2.500.000.000 đồng, trả nợ gốc sau 6 tháng, ký tái tục cấp vốn hợp đồng tín dụng sau 1 năm với mục đích vốn lưu động (Hợp đồng thế chấp tài sản số CVL.04010709 ngày 01/7/2009 được công chứng tại Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 029764 ngày 01/07/2009, quyển số 2 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/7/2009, quyển số 5). Ngày 25/6/2010 khi đáo hạn hợp đồng tín dụng cũ của công ty S, ông Q và bà H ký tiếp Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CVL.BĐDN.02.250610 ngày 25/6/2010, số công chứng 025659, quyển số 6/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 4 để bảo đảm khoản vay 1.000.000.000 đồng của Công ty S.

Nhận thấy hoạt động của công ty S có vấn đề về mặt tài chính, đại diện công ty có những biểu hiện sử dụng vốn vay không đúng mục đích, ông Q bà H nhiều lần yêu cầu công ty S tất toán khoản vay cho ngân hàng A trả lại tài sản thế chấp cho ông bà. Đến cuối năm 2012 ông Q bà H phát hiện Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: CVL.DN.060090712 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền là 3.500.000.000 đồng và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng bằng hình thức bảo lãnh số: 81494219 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền 1.000.000.000 đồng không phải chữ ký, chữ viết của ông bà và Kết luận giám định ngày 10/4/2015 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công

an Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định chữ ký và chữ viết trên Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: CVL.DN.060090712 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền là 3.500.000.000 đồng và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng bằng hình thức bảo lãnh số: 81494219 ngày 09/7/2012 không phải của ông Q và bà H. Ông Q bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 5 giải quyết: hủy Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: CVL.DN.060090712 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền là 3.500.000.000 đồng và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng bằng hình thức bảo lãnh số: 81494219 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền 1.000.000.000 đồng và số tiền thực tế Công ty S còn nợ ngân hàng A bằng bảo lãnh tài sản của ông bà là 2.778.000.000 đồng; buộc ngân hàng A trả lại giấy tờ căn nhà số 20 – 22 khu dân cư P, Phường K, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh cho ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H.

Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển vụ án qua Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhập vụ án để giải quyết theo thẩm quyền (Quyết định nhập vụ án số 60/2017/QĐST-KDTM ngày 12/5/2017).

Ngày 02/8/2017 ông Q và bà H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể xin rút yêu cầu hủy Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: CVL.DN.060090712 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền là 3.500.000.000 đồng và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng bằng hình thức bảo lãnh số: 81494219 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền 1.000.000.000 đồng và số tiền thực tế Công ty S còn nợ ngân hàng A bằng bảo lãnh tài sản của ông bà là 2.778.000.000 đồng.

Ngày 07/02/2018 ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H đã nộp trả cho Ngân hàng số tiền 2.778.000.000 đồng để giải chấp tài sản đảm bảo là nhà và đất tại số 20 – 22 khu dân cư P, Phường K, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Ông Đinh Viết Q, bà Từ Thu H và Ngân hàng A đã tất toán, thanh lý hợp đồng và chấm dứt mọi nghĩa vụ liên quan đến việc thế chấp tài sản đảm bảo trong khoản vay của Công ty S. Ngân hàng A đã hoàn trả lại toàn bộ bản chính các chứng từ tài sản qua Giấy biên nhận hồ sơ tài sản thế chấp ngày 07/02/2018.

Ngày 07/8/2020 ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với ngân hàng A.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông Khương Lê Hoàng P là người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Ngân hàng A yêu cầu Công ty S thanh toán tiền nợ lãi tính đến ngày 15/6/2022 là 2.889.674.774 đồng (bao gồm lãi trong hạn 2.028.611.588 đồng, lãi quá hạn 861.063.186 đồng), thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Buộc ông Lê Thành H liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 25/6/2010. Ngân hàng A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là nhà và đất tại số 20 – 22 khu dân cư P, Phường K, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh vì đã được giải chấp và rút yêu cầu đối với nghĩa vụ trả nợ liên đới của ông Đinh Viết Q, bà Từ Thu H theo chứng thư bảo lãnh ngày 25/6/2010.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H, chị Đinh Viết Hồng N và trẻ Đinh Viết Quang T (do bà Từ Thu H là người đại diện hợp pháp) trình bày: Ông Q và bà H xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với Ngân hàng A đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông bà và trả lại tiền tạm ứng án phí ông bà đã nộp, ông bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

-Về việc giải quyết vụ án : Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H xin rút yêu cầu độc lập là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H; Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn trả cho Nguyên đơn số tiền nợ lãi tính đến ngày 15/6/2022 là 2.889.674.774 đồng trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với Bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* trong vụ án này, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Ông Khương Lê Hoàng P là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ngân hàng Thương mại Cổ phần A có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là

ông Lê Thanh Hà đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng Bị đơn và ông Lê Thanh H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ông Đinh Viết Q, bà Từ Thu H; bà Đinh Viết Hồng N và trẻ Đinh Viết Quang T (do bà Từ Thu H là người đại diện hợp pháp) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét ý kiến trình bày của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H xin rút yêu cầu độc lập, cụ thể không yêu cầu hủy Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: CVL.DN.060090712 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền là 3.500.000.000 đồng và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng bằng hình thức bảo lãnh số: 81494219 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền 1.000.000.000 đồng, không buộc ngân hàng A trả lại giấy tờ căn nhà số 20 – 22 khu dân cư P, Phường K, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Nhận thấy việc Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin rút yêu cầu độc lập là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Xét ý kiến trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là nhà và đất tại số 20 – 22 khu dân cư P, Phường K, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh vì đã được giải chấp và rút yêu cầu đối với nghĩa vụ trả nợ liên đới của ông Đinh Viết Q, bà Từ Thu H theo chứng thư bảo lãnh ngày 25/6/2010, Hội đồng xét xử xét thấy :

Căn cứ Hợp đồng thế chấp số tài sản số CVL.04010709 ngày 01/7/2009 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CVL.BĐDN.02.250610 ngày 25/6/2010 đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H đã nộp số tiền 2.778.000.000 đồng thanh toán khoản nợ gốc cho công ty S, ngân hàng đã giải chấp tài sản đảm bảo trả lại bản chính giấy tờ tài sản thế chấp cho ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H. Qúa trình giải quyết, Bị đơn đã được thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, phía bị đơn không có yêu cầu phản tố cũng như không có yêu cầu gì đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H. Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn đã rút yêu cầu phát mãi đối với tài sản đảm bảo là nhà và đất tại số 20 – 22 khu dân cư P, Phường K, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh vì tài sản này đã được giải chấp và không có yêu cầu gì khác đối với ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H. Căn cứ Điều 327 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về chấm dứt thế chấp tài sản thì việc thế chấp tài sản đã được huỷ bỏ, nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, không yêu cầu ông Q bà H có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo chứng thư bảo lãnh. Nhận thấy việc Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

- Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán số tiền lãi tính đến ngày 15/6/2022 là 2.889.674.774 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số CVL.DN.04010709 ngày 01/07/2009, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CVL.DN.02.250610 ngày 25/06/2010 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CVL.DN.06.090712 ngày 09/7/2012 cùng các khế ước nhận nợ thể hiện Ngân hàng A đã giải ngân cho Công ty S số tiền 3.500.000.000 đồng thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã xác lập hợp đồng vay tài sản. Căn cứ Bảng chiết tính lãi vay do Ngân hàng cung cấp thì Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày 15/6/2022 là 2.889.674.774 đồng (bao gồm lãi trong hạn 2.028.611.588 đồng, lãi quá hạn 861.063.186 đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết do đó có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán một lần cho Nguyên đơn số tiền nợ lãi còn thiếu tổng cộng là 2.889.674.774 đồng.

Ngoài số tiền trên, Bị đơn còn phải thanh toán cho Nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày 16/6/2022 cho đến khi trả hết nợ.

- Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn đề nghị Bị đơn thanh toán một lần số tiền 2.889.674.774 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Nguyên đơn, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Nguyên đơn ngân hàng A tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Hoàn lại cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nguyên đơn ngân hàng A rút yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H rút toàn bộ yêu cầu độc lập phải chịu chi phí định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng; ông Q bà H đã nộp chi phí định giá tài sản 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm c khoản 1 Điều 217, điều 227, điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 327, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo là nhà và đất tại số số 20 – khu dân cư P, Phường K, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vì đã được giải chấp và không yêu cầu nghĩa vụ liên đới trả nợ của ông Đinh Viết Q, bà Thừ Thu H theo chứng thư bảo lãnh ngày 25/6/2010 do Nguyên đơn rút yêu cầu, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H về việc yêu cầu hủy Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: CVL.DN.060090712 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền là 3.500.000.000 đồng và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng bằng hình thức bảo lãnh số : 81494219 ngày 09/7/2012 bảo lãnh vay số tiền 1.000.000.000 đồng, buộc ngân hàng ACB trả lại giấy tờ căn nhà số 20 – 22 khu dân cư P, Phường K, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H do ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H rút yêu cầu, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ lãi tính đến ngày 15/6/2022 là 2.889.674.774 (Hai tỷ tám trăm tám mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi bốn) đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S không thực hiện trả nợ cho ngân hàng A thì ông Lê Thành H có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng A theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 25/6/2010.

Kể từ ngày 16/6/2022 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S phải chịu 89.793.495 (Tám mươi chín triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi lăm) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 56.436.542 (Năm mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi hai) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/011682 ngày 18/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông Đinh Viết Q và bà Từ Thu H số tiền 56.250.000 (Năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2011/09018 ngày 23/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Tâm